

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2023, Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa

về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định 1526/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9900/SXD-QH ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 38/TTr-THG ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Thanh Hưng Group).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu đất lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Thiệu Ngọc và xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông Nam: Giáp đất nông nghiệp;
- Phía Đông Bắc: Giáp với hành lang đường quy hoạch;
- Phía Tây Nam: Giáp hành lang kênh Nam;
- Phía Tây Bắc: Giáp với hành lang đường nội Quốc lộ 45-47-217 (đường tỉnh 507).

1.2. Quy mô

- Quy mô sử dụng đất: 48,61 ha.
- Quy mô lao động khoảng: 4.500 người.

2. Tính chất, chức năng

Là cụm công nghiệp thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các chức năng, ngành nghề công nghiệp chủ yếu gồm: Sản xuất hàng chần ga, thảm dệt, thời trang may mặc và giày da, nội thất, điện, điện tử, cơ khí, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thức ăn gia súc, gia cầm.

3. Các chỉ tiêu đạt được trong đồ án

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Khu vực sản xuất công nghiệp: mật độ xây dựng từ 50% đến 70%, chiều cao <19 m (1-3 tầng); hệ số sử dụng đất tối đa 2,1 lần.
- Khu vực quản lý điều hành: mật độ xây dựng 40-60%, tầng cao 1-3 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa 1,8 lần.
- Tỷ lệ đất cây xanh: 10,3 %.
- Tỷ lệ đất giao thông nội khu: 13,8 %.
- Khu vực kỹ thuật hạ tầng: 1,0%.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngđ.
- Cấp nước khu sản xuất (trung bình): 22 m³/ha/ngđ.
- Cấp điện khu quản lý điều hành: 30 W/m² sàn.
- Cấp điện khu sản xuất (trung bình): 200 kW/ha.
- Thoát nước: Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Nước thải và chất thải rắn (CTR): Thu gom xử lý 100%.

4. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

4.1. Phân khu chức năng

a) Khu quản lý, điều hành: Quy hoạch tại 01 lô đất khu vực phía Tây Bắc của Cụm công nghiệp (CCN) gắn với hướng tiếp cận chính từ tuyến đường tỉnh nối 3 Quốc lộ, có các chức năng gồm: đón tiếp và trưng bày, giới thiệu sản phẩm (lô đất ký hiệu QLĐH-01) diện tích 11.275,25 m². Khu quản lý điều hành được quy hoạch với tầng cao từ 1-3 tầng, mật độ xây dựng 40-60%, hệ số sử dụng đất tối đa 1,8 lần.

b) Khu vực sản xuất công nghiệp: Quy hoạch 05 lô đất công nghiệp có tổng diện tích 326.464,18 m²; cụ thể như sau:

- Lô số 01: Diện tích là 47.151,75 m² (lô đất ký hiệu CN-01).
- Lô số 02: Diện tích là 153.074,10 m² (lô đất ký hiệu CN-02).
- Lô số 03: Diện tích là 50.214,01 m² (lô đất ký hiệu CN-03).
- Lô số 04: Diện tích là 50.222,35 m² (lô đất ký hiệu CN-04).
- Lô số 05: Diện tích là 25.983,97 m² (lô đất ký hiệu CN-04).

c) Khu vực Hạ tầng kỹ thuật và xử lý môi trường: Bố trí tập trung công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN, gồm: khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải (quy trình xử lý lần 2, sau khi đã xử lý bên trong hàng rào các dự án thành phần của cụm)... tại khu vực phía Đông Nam CCN với tổng diện tích 5.050,16 m² (lô đất ký hiệu HTKT - 01).

d) Cây xanh, mặt nước:

- Tổ chức các dải cây xanh cảnh quan và cách ly tiếp giáp xung quanh Cụm công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn với tổng diện tích 49.978,93 m² (chiếm 10,3% diện tích CCN), diện tích cây xanh được trồng cây bóng mát, bố trí các khu vực tiểu cảnh, hồ nước đáp ứng nhu cầu giải lao, thư giãn và vui chơi giải trí của công nhân, người lao động tại CCN.

- Hệ thống kênh, mương cải dịch, hoàn trả đảm bảo tưới, tiêu cho khu vực.

e) Đất giao thông nội khu: Tổng diện tích 67.165,75 m² (chiếm 13,8%).

4.2. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích theo QH được phê duyệt	Diện tích điều chỉnh	Tỷ lệ	Diện tích tăng; giảm ()
			(m ²)	(m ²)	(%)	(%)
*	Tổng diện tích lập QH		486.130,40	486.130,40	100,0	
I	Đất quy hoạch CCN		460.116,27	460.116,27	94,6	-
1	Khu quản lý và điều hành	QLĐH	11.262,80	11.275,25	2,3	12,5
2	Đất xây dựng nhà xưởng, kho tàng	CN	324.279,80	326.646,18	7,2	2.366,38
	Đất công nghiệp 01	CN-01	42.523,70	47.151,75		(4.628,05)
	Đất công nghiệp 02	CN-02	41.690,30	153.074,10		111.383,80
	Đất công nghiệp 03	CN-03	87.119,80	50.214,01		(36.905,79)
	Đất công nghiệp 04	CN-04	78.344,00	50.222,35		(28.121,65)
	Đất công nghiệp 05	CN-05	74.602,00	25.983,97		(48.618,03)
3	Đất cây xanh	CX	45.942,27	49.978,93	10,3	4.036,66
4	Đất mặt nước (kênh, mương)					
5	Khu HTKT và xử lý môi trường	HTKT	5.050,00	5.050,16	1,0	0,16
6	Giao thông nội khu		73.581,40	67.165,75	13,8	(6.415,7)
II	Đất kênh, mương (ngoài cụm CN)		26.014,13	26.014,13	5,4	-
1	Đất cây xanh, mặt nước Kênh 11; Mương tiêu cải dịch		19.845,13	19.845,13		
2	Đường bảo trì kênh, mương		6.169,00	6.169,00		

5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

Không gian cụm công nghiệp được thiết kế đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại và tạo dựng được điểm nhấn không gian bằng việc đầu tư các công trình kiến

trúc và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hệ thống cây xanh cách ly bố trí xung quanh cụm công nghiệp vừa giảm thiểu ô nhiễm vừa tạo được không gian xanh cho toàn khu vực. Bố cục cụ thể:

- Không gian tổng thể: Bố trí Khu quản lý điều hành, khuôn viên cây xanh tại lõi vào phía Tây Bắc CCN. Đất sản xuất của Cụm công nghiệp được phân chia bằng hệ thống giao thông nội bộ liên hoàn và thông suốt, đảm bảo các lô đất đều có ít nhất 2 mặt tiếp xúc với đường nội bộ.

- Không gian dọc tuyến nối 3 Quốc lộ (đường tỉnh 507): Quy hoạch xây dựng nhằm tạo ra hình ảnh ấn tượng và đẹp cho trục không gian đường tỉnh, xác định đây cũng là trục động lực phát triển mới cho khu vực phía Tây Bắc của huyện Thiệu Hóa, theo đó sẽ bố trí các công trình bao gồm cổng chính Cụm công nghiệp, khu đón tiếp, trung bày và giới thiệu sản phẩm, khu quản lý điều hành, cây xanh cảnh quan. Ngoài ra các khu vực đất sản xuất công nghiệp cũng cần ưu tiên bố trí, xây dựng các hạng mục công trình có kiến trúc và hình thức đẹp, ấn tượng nhằm tạo điểm nhấn cho không gian tuyến đường... cơ bản sẽ đáp ứng được mục tiêu, ý tưởng nêu trên.

- Không gian dọc đường tỉnh 506B: Khu vực cụm công nghiệp được phân cách với đường tỉnh 506B qua hệ thống kênh Nam, ngoài ra còn có các khu vực dân cư hiện hữu xen kẽ, theo đó phương án quy hoạch sẽ bố trí chủ yếu là các không gian cây xanh nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại khu vực nút giao với đường tỉnh theo quy hoạch yêu cầu các làn tách, nhập, đèn tín hiệu theo quy định ở các bước thiết kế tiếp theo; đảm bảo an toàn giao thông, thuận lợi cho tiếp cận vào CCN Ngọc Vũ.

- Về kiến trúc công trình: Để đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại và phù hợp với tính chất công trình công nghiệp, lựa chọn hình thức kiến trúc công trình hiện đại, mạch lạc bằng các mảng khối, giảm lược các chi tiết trang trí và sử dụng màu sắc tươi sáng. Tạo được sự đồng bộ về ngôn ngữ kiến trúc giữa các công trình quản lý, điều hành, các công trình nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ khác... Kết hợp và sử dụng hợp lý các không gian cây xanh, tiểu cảnh, sân vườn... nhằm tăng thêm giá trị kiến trúc cũng như phân định một cách khoa học các không gian sản xuất, văn phòng và các không gian nghỉ ngơi...

- Các thiết kế cây xanh cảnh quan: Các thiết kế cảnh quan quyết định hình ảnh và không gian cụm công nghiệp, với ý tưởng tạo lập sự khác biệt “nội lực” đến từ môi trường sản xuất hiện đại, vì vậy các không gian cây xanh, mặt nước, công viên, tiểu cảnh...vv sẽ được chú trọng thiết kế đẹp và ấn tượng. Ngoài yếu tố về độ phủ xanh bằng cây bóng mát, cây bụi, hoa... cần kết hợp trang trí bằng các tiểu cảnh tạo sự sinh động, đẹp mắt và cũng là nơi thư giãn, nghỉ ngơi của công nhân, người lao động sau giờ làm việc.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường tiếp giáp phía Đông Bắc cụm công nghiệp kết nối thành phố Thanh Hóa và Ngọc Lặc có mặt cắt A-A, lộ giới 57,0 m.

- Tuyến đường tỉnh 507 (nối 3 quốc lộ 45-47-217) tiếp giáp phía Tây Bắc cụm công nghiệp có mặt cắt B-B, lộ giới 42,0 m.

- Tuyến đường tỉnh 506B tiếp giáp phía Tây Nam cụm công nghiệp có mặt cắt C-C, lộ giới 44,0 m.

- Tuyến đường tiếp giáp phía Đông Nam cụm công nghiệp có mặt cắt D-D lộ giới 17,50 m.

b) Giao thông nội bộ:

Toàn bộ CCN có 06 tuyến đường gồm các mặt cắt ngang cụ thể:

- Mặt cắt 1-1: Lộ giới 22,00 m (mặt đường: 12,0 m; hè: $5,0 \times 2 = 10,0$ m);

- Mặt cắt 1A-1A: Lộ giới 20,0 m (mặt đường: 12,0 m; hè: $5,0 + 3,0 = 8,0$ m);

- Mặt cắt 2-2: Lộ giới 17,0 m (mặt đường: 9,0 m; hè: $5,0 + 3,0 = 8,0$ m);

- Mặt cắt 3-3: Lộ giới 13,5 m (mặt đường: 7,5 m; hè: $3,0 \times 2 = 6,0$ m).

6.2. San nền, thoát nước mưa

a) San nền:

- Cập nhật cao độ thiết kế của tuyến đường tỉnh 507.

- Cao độ nền xây dựng cụm công nghiệp lựa chọn từ 9.10 – 10.85 m đảm bảo khả năng chống ngập, cũng như tiêu thoát nước tự chảy.

- Hướng dốc chính của cụm công nghiệp là hướng Tây Bắc - Đông Nam phù hợp với hướng thoát nước tự nhiên (thoát về sông Mậu Khê).

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực được lập trên cơ sở địa hình và hiện trạng các công trình đầu mối tưới - tiêu, tưới tiêu kết hợp của ngành thủy lợi, quy hoạch san nền để có giải pháp thoát nước hiệu quả theo hướng bền vững về môi trường (nước mưa và nước thải đi theo 2 hệ thống riêng).

- Cải dịch kênh tưới N11 lấy nước từ kênh Nam đi qua Cụm công nghiệp về phía Nam, kênh có tiết diện $B \times h = 2,3 \times 2,0$ m.

- Xây dựng hệ thống mương tiêu chảy dọc theo ranh giới Cụm công nghiệp để thu đón nước từ các kênh tiêu nội đồng và hệ thống cống thoát nước qua đường hiện có sau đó dẫn về sông Mậu Khê.

- Hệ thống thoát nước mưa Cụm công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng tự chảy. Hệ thống sử dụng cống tròn BTCT D600-D1500 chạy dọc theo các tuyến đường giao thông để thu đón nước từ sân đường nội bộ và các khuôn viên xây dựng công trình sau đó thoát vào mương tiêu chính bao quanh Cụm công nghiệp.

- Bố trí hệ thống ga thăm thu đảm bảo theo tiêu chuẩn, khoảng cách từ 30-40 m, độ dốc cống tối thiểu 1/D.

6.3. Cấp nước

- Nguồn nước cấp cho Cụm công nghiệp được lấy từ nhà máy nước của Công ty cổ phần cấp nước Sông Chu tại xã Thiệu Phúc. Hiện dự án đang được vận hành sử dụng, cấp nước cho khu vực thị trấn và các xã Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, khai thác nước mặt sông Chu.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước sản xuất và sinh hoạt tối đa của Cụm công nghiệp khoảng: 870 m³/ngđ.

6.4. Cấp điện, chiếu sáng

- Nguồn điện: Trong giai đoạn đầu khi trạm biến áp 110 kV Thiệu Hóa chưa được đầu tư xây dựng thì Cụm công nghiệp dùng nguồn điện hiện có là đường điện 22 kV lộ 471 từ trạm 110 kV Yên Định. Giai đoạn sau năm 2024, khi trạm 110 kV Thiệu Hóa được đưa vào khai thác sử dụng thì lấy nguồn trực tiếp từ trạm 110 kV Thiệu Hóa.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của cụm công nghiệp là: 5.272 kW;

- Cải dịch tuyến đường dây trung áp hiện có vào dải cây xanh cách ly và tại vỉa hè của tuyến đường tỉnh 507 đảm bảo an toàn.

- Mạng lưới điện chiếu sáng được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông; cột đèn bằng cột thép đặt trên vỉa hè hoặc giải phân cách; khoảng cách giữa các cột trung bình 30 - 35 m/cột.

6.5. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt được thu gom và tập kết tại khu vực phía Tây Nam cụm công nghiệp trước khi chuyển về xử lý tập trung tại khu vực bãi rác của huyện Thiệu Hóa. Với rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp, phải phân loại, thu gom xử lý theo quy trình riêng trong hàng rào của từng dự án thuộc cụm công nghiệp. Tái sử dụng với rác thải vô cơ (nếu có thể) và xử lý tập trung với rác thải hữu cơ.

- Xử lý nước thải:

+ Nước thải sản xuất được xử lý theo 2 bậc, bậc 1 trong khuôn viên hàng rào nhà máy, xí nghiệp tùy theo tính chất, loại hình công nghiệp sẽ xử lý đảm bảo theo quy định. Bậc 2 sẽ tiếp tục được thu gom về trạm xử lý nước thải chung của Cụm công nghiệp để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn đầu ra.

+ Nước thải sinh hoạt: được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải chung của Cụm công nghiệp.

+ Công suất trạm xử lý nước thải chung của Cụm công nghiệp: 870 m³/ngày (bằng 100% nước cấp). Nước thải sau khi xử lý đạt quy định chuyên ngành sẽ thoát ra sông Mậu Khê.

6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn cung cấp viễn thông thụ động cho khu vực cụm công nghiệp được đầu nối từ đường dây trên tuyến đường tỉnh 506B hiện có, đầu nối từ trung tâm viễn thông huyện Thiệu Hóa.

- Nhu cầu dịch vụ viễn thông của khu vực Cụm công nghiệp dự kiến khoảng 56 đường dây thuê bao.

- Từ điểm đầu nối, xây dựng các tuyến cáp chính cấp tín hiệu đến tủ cáp phân phối IDF trong khu vực quy hoạch. Các tuyến cáp nhánh đi ngầm trên vỉa hè hoặc đi chung trong hào cáp kỹ thuật cùng với các tuyến hạ tầng khác. Tủ đầu nối IDF được đặt nổi trên bề mặt để đảm bảo vận hành trong mọi điều kiện thời tiết.

- Xây dựng mới 01 trạm BTS trong khu vực, đảm bảo phạm vi bán kính phủ sóng (từ 300 đến 500 m), đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án bảo vệ môi trường và quản lý chất thải rắn theo thứ tự ưu tiên: ngăn ngừa giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tái sử dụng chất thải rắn, xử lý đảm bảo quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng các dải cây xanh theo các tuyến giao thông xung quanh Cụm công nghiệp và các khuôn viên cây xanh khác, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ khác nhằm tạo cảnh quan cho Cụm công nghiệp, như lát đá, thảm hoa, cây xanh và các trang trí khác.

- Sử dụng xe, máy thi công có tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo.

- Khuyến khích việc sử dụng xe điện, xe nguyên liệu sạch làm phương tiện di chuyển trong khi vận hành khu vực.

- Xây dựng các hệ thống thoát nước kín; chất thải rắn, hữu cơ cần được thu gom bằng thùng, túi nilông kín gom về các điểm thu gom xử lý, hạn chế mùi hôi, khí độc thải vào không khí.

- Có biện pháp che chắn phủ bạt đối với các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu, nhiên liệu, che chắn cách ly giữa khu vực san ủi đối với khu vực xung quanh bằng các hàng rào bạt. Trồng cây xanh để hạn chế sự lan tỏa của bụi, khí thải và tiếng ồn. Các công viên, vườn hoa góp phần cải tạo không khí.

- Bố trí các nhà vệ sinh công cộng tạm thời trên các công trường.
- Phun nước làm ẩm mặt đất khi san ủi để giảm lượng bụi cuốn theo gió và phân tán trong khu vực.

8. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Các hạng mục công trình ưu tiên đầu tư: Đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ di dời người dân trong khu vực đầu tư dự án; Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp (Giao thông, san nền, cấp thoát nước, xử lý nước thải, trồng cây xanh cách ly, cấp điện, thông tin liên lạc, cải dịch hệ thống các kênh mương tưới tiêu theo quy hoạch ...); Khu quản lý, điều hành của cụm công nghiệp.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của nhà đầu tư - Công ty TNHH Thanh Hưng Group và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Thanh Hưng Group có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch để đóng dấu lưu trữ theo quy định. Bàn giao hồ sơ, tài liệu điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho cơ quan quản lý quy hoạch liên quan và chính quyền địa phương; làm cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng dự án theo quy hoạch được duyệt.

- Khẩn trương hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng,...; đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng đảm bảo tiến độ thực hiện theo Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh.

- Có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đấu nối, cải dịch, hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, đường điện...) khi thực hiện dự án để đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

2. Giao UBND huyện Thiệu Hóa:

- Phối hợp Công ty TNHH Thanh Hưng Group tổ chức công bố rộng rãi nội dung điều chỉnh quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày đồ án quy hoạch được phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Chỉ đạo việc quản lý thực hiện đầu tư xây dựng dự án theo quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc đầu tư, xây dựng dự án của nhà đầu tư, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân tại khu vực xung quanh dự án.

3. Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Giám đốc Công ty TNHH Thanh Hưng Group và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

H14.(2024)QDPD_DC CCN Ngọc Vu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm